



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
NGUYỄN TẤT THÀNH
THỰC HỌC - THỰC HÀNH - THỰC DANH - THỰC NGHIỆP

2024



ntt.edu.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Trích Báo cáo số 19/BC-NTT ngày 23/6/2025)

NỘI DUNG

THÔNG TIN CHUNG	02
SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ CÁC GIÁ TRỊ TUYÊN BỐ	03
MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	04
CƠ CẤU TỔ CHỨC	05
ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN	06
CƠ SỞ VẬT CHẤT	07
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG - XẾP HẠNG - GẮN SAO	08
KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO	09
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	10
KẾT QUẢ TÀI CHÍNH	12

THÔNG TIN CHUNG

Năm 1999

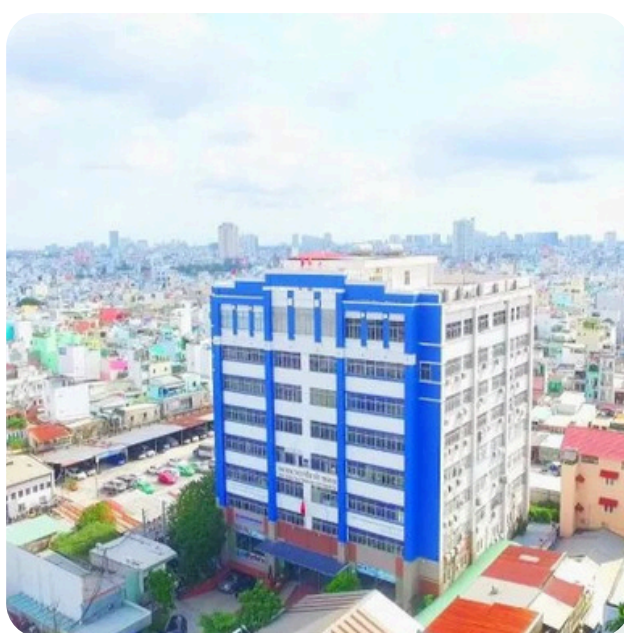
Trường Đại học Nguyễn Tất Thành thành lập theo Quyết định số 621/QĐ-TTg ngày 26/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ, là trường đại học tư thục, đa ngành, đa bậc học, và đa cơ sở đào tạo (tiền thân của Trường là Trung tâm đào tạo nghề may của Công ty Cổ phần Dệt may Sài Gòn được thành lập vào ngày 05/6/1999)

Trụ sở chính

Cơ sở hành chính của Trường tọa lạc tại 300A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Thông tin đào tạo

Nhà trường hiện có **04 khu vực đào tạo chính** với **54 ngành trình độ đại học**, **13 ngành trình độ Thạc sĩ**, **04 ngành trình độ Tiến sĩ**, tập trung vào 19 lĩnh vực đào tạo mũi nhọn nhằm đảm bảo điều kiện giảng dạy và học tập cho hơn 38.000 người học (sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh)



SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ CÁC GIÁ TRỊ TUYÊN BỐ

TẦM NHÌN

Đến năm 2035, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trở thành Đại học đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu trong và ngoài nước, đáp ứng Cách mạng công nghiệp 4.0, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

SỨ MẠNG

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cam kết tạo môi trường học tập với mục tiêu phát triển toàn diện con người để người học trở thành một công dân tích cực, có năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hội nhập, có sức cạnh tranh cao trong thị trường lao động trong và ngoài nước thông qua hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các việc nghiên cứu.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

ĐOÀN KẾT

một tập thể
thống nhất
hoạt động vì
mục tiêu chung

HỘI NHẬP

với chuẩn trong
nước, khu vực,
và thế giới

NĂNG ĐỘNG

trong học tập,
nghiên cứu, và
làm việc

TRÍ TUỆ

với tâm trong,
trí sáng, xử trí
mọi vấn đề
thông minh

TRÁCH NHIỆM

với bản thân,
gia đình, cộng
đồng, xã hội, và
quốc tế

GIÁ TRỊ VĂN HÓA

NHÂN VĂN

HẠNH PHÚC

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

THỰC HỌC

Người học hình thành
năng lực thông qua môi
trường học thuật được
tạo lập và gắn kết với
doanh nghiệp trong
các hoạt động nghiên
cứu, ứng dụng, phục vụ
cộng đồng

THỰC HÀNH

Người học được ứng
dụng kiến thức và
phát triển kỹ năng
thông qua quá trình
trải nghiệm thực tiễn
trong môi trường
doanh nghiệp

THỰC DANH

Người học khẳng
định bản thân, hình
thành nhân cách và
đạo đức nghề
nghiệp, góp phần
nâng cao thương
hiệu của Nhà trường

THỰC NGHIỆP

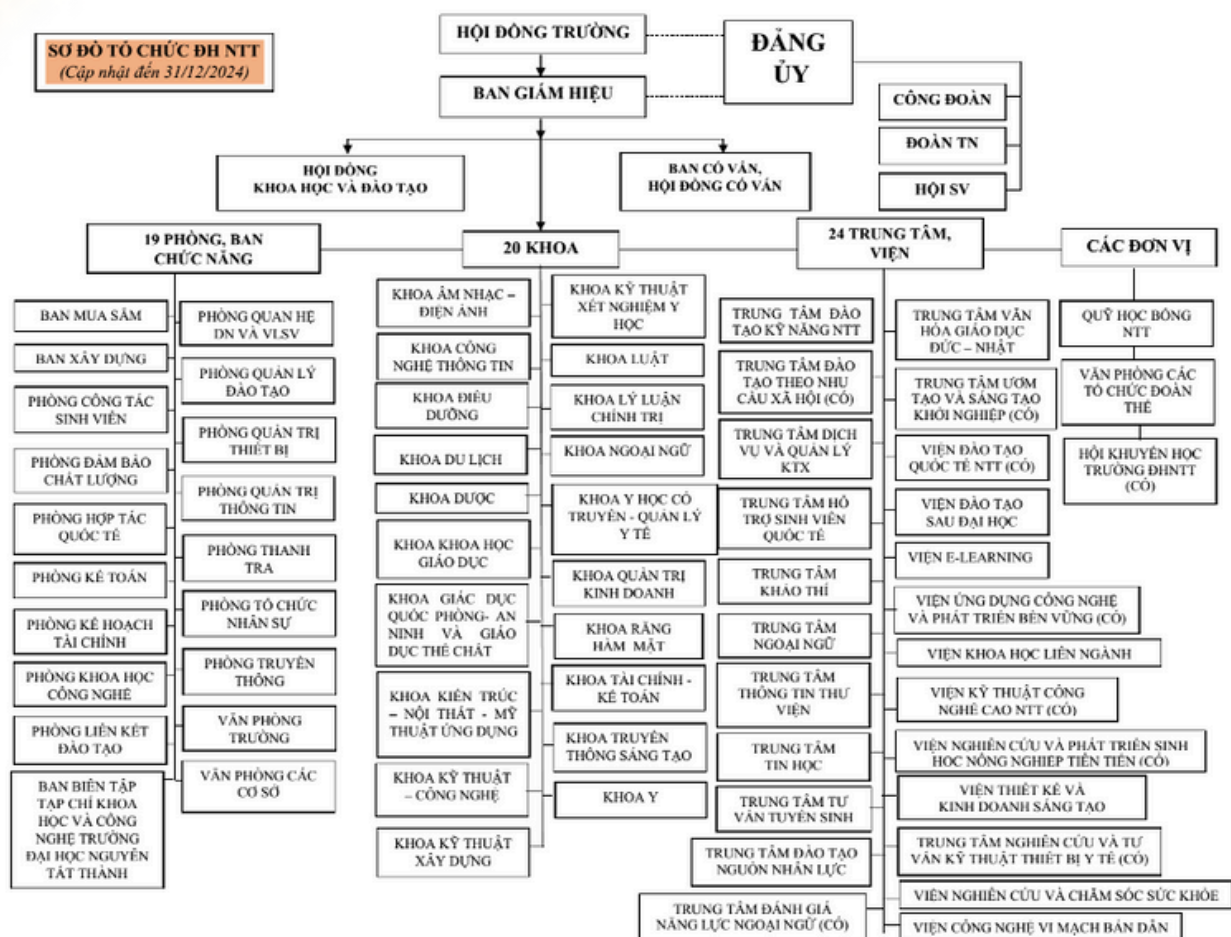
Nhà trường tạo
điều kiện tốt nhất
cho người học phát
triển nghề nghiệp
và thăng tiến

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trường Đại học Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030 có 19 mục tiêu chiến lược chính gồm 6 lĩnh vực:

Quản trị	• Đổi mới quản trị Nhà trường theo hướng tăng cường quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm • Phát triển nguồn nhân lực đảm bảo năng lực đáp ứng theo vị trí việc làm, tạo thế cạnh tranh, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế • Quản trị tài chính hiệu quả và bền vững, phù hợp với tự chủ đại học • Hiện đại hóa cơ sở vật chất phù hợp với sự phát triển Nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng
Quốc tế hóa	• Tạo môi trường thúc đẩy các hoạt động hội nhập quốc tế tại Trường • Đẩy mạnh triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế trong toàn Trường • Nâng cao uy tín/ hình ảnh Nhà trường trong cộng đồng quốc tế
Đảm bảo chất lượng	• Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tổng thể • Nghiên cứu nội bộ (Institutional research) nhằm thúc đẩy quá trình ra quyết định về đảm bảo chất lượng dựa trên dữ liệu • Kiểm định chất lượng giáo dục đạt chuẩn theo các Bộ tiêu chuẩn trong nước, khu vực • Khẳng định vị thế của Nhà trường trong nước, khu vực, quốc tế thông qua hoạt động gắn sao, và xếp hạng, đối sánh chất lượng
Đào tạo	• Hoàn thiện chính sách và các văn bản đào tạo đảm bảo tính tự chủ về hoạt động học thuật • Phát triển quy mô đào tạo phù hợp với định hướng phát triển Trường • Các chương trình đào tạo được thiết kế, triển khai theo hướng phát triển năng lực dựa trên OBE; đáp ứng chuẩn quốc tế • Nâng cao chất lượng dạy và học đảm bảo hướng đến đạt chuẩn đầu ra • Nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo thông qua đánh giá và đối sánh các chỉ số cốt lõi
Nghiên cứu khoa học	• Phát triển và đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ theo định hướng nghiên cứu ứng dụng để nâng cao chất lượng đào tạo; chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng; đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; xây dựng hệ sinh thái chuyển đổi số, nâng cao vị thế khoa học của Trường và ngoài nước
Người học và phục vụ cộng đồng	• Nuôi dưỡng môi trường học thuật, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học • Nâng cao hiệu quả các chương trình triển khai, lan tỏa những tác động tích cực, thúc đẩy các giá trị hữu ích nhằm góp phần giải quyết một cách thiết thực các thực tiễn của xã hội thông qua các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng

CƠ CẤU TỔ CHỨC



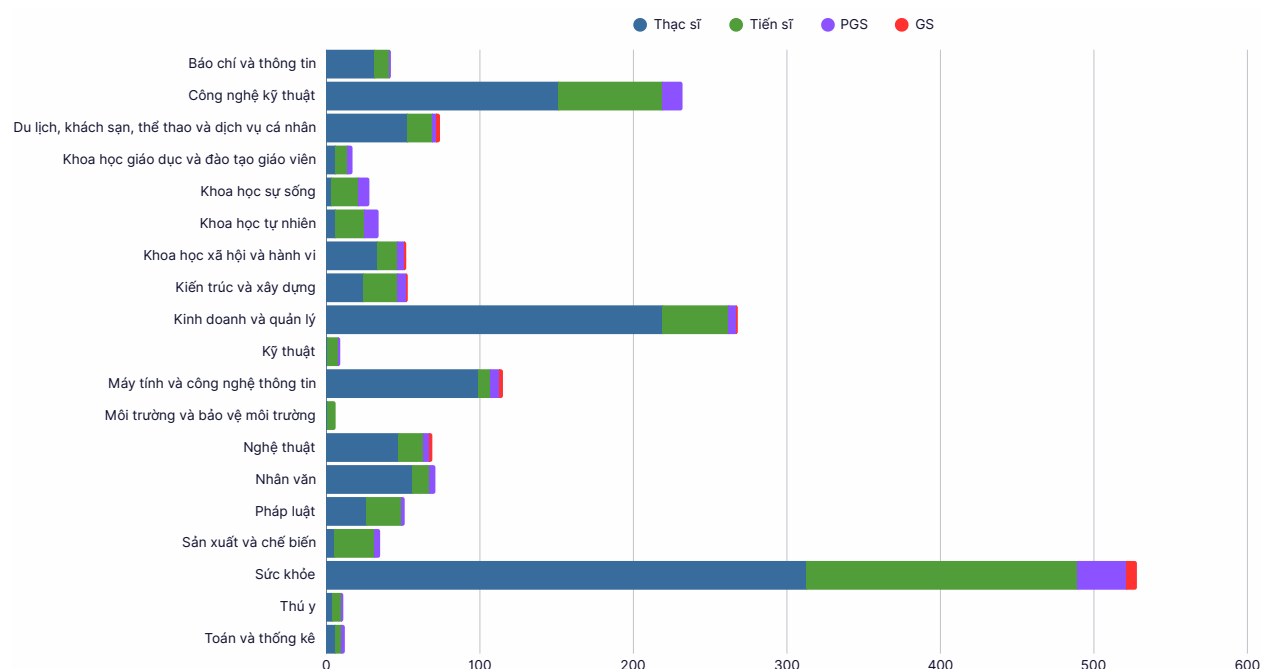
BAN GIÁM HIỆU



ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THEO LĨNH VỰC ĐÀO TẠO

Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ		Chức danh	
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	Phó Giáo sư	Giáo sư
Giảng viên toàn thời gian	1430	969	377	70	14
Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	1296	923	343	28	2



CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ

Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	28,09	24,09
Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	90,63%	89%
Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	32,24%	31%

Số CBQL khối hành chính và hỗ trợ

Năm 2024	Năm 2023
74	75

Số NV khối hành chính và hỗ trợ

Năm 2024	Năm 2023
432	409

Tỉ lệ CBQL và NV khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số GV toàn thời gian

Năm 2024	Năm 2023
36%	39%

Số lượng GV, CBQL, NV được đào tạo, bồi dưỡng

Năm 2024	Năm 2023
743	692

CƠ SỞ VẬT CHẤT

Diện tích đất (m ²) 376.738,19	Diện tích sàn (m ²) 186.203,29	Tổng chi phí đầu tư CSVC năm 2024 (triệu đồng) 37.501,644
Thi công mới, cải tạo các cơ sở Khu công nghệ cao, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh 13.966,771	Thi công mới, cải tạo các cơ sở Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh 4.847,706	
Thi công mới, cải tạo các cơ sở Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh 10.876,487	Thi công mới, cải tạo các cơ sở Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh 6.259,5	
Thi công mới, cải tạo các cơ sở Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh 1.198,724	Thi công mới, cải tạo các cơ sở Bệnh Viện, Thành Phố Hồ Chí Minh 352,456	

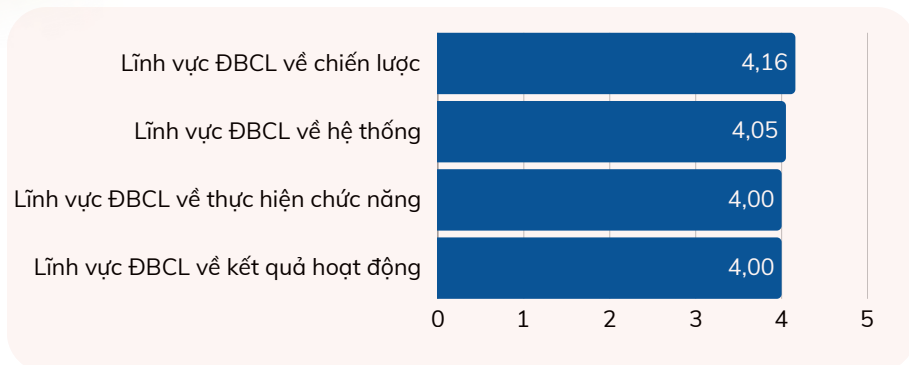
CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
Diện tích đất/người học (m ²)	9,85	11,13
Diện tích sàn/người học (m ²)	2,92	3,51
Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100%	97,72%
Số đầu sách/ngành đào tạo	970,1	543,83
Số bản sách/người học	5,53	5,28
Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	26,52%	19,60%
Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	16 Mbps/user	16 Mbps/user

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG - XẾP HẠNG - GẮN SAO

CƠ SỞ GIÁO DỤC

Tái kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 gồm 25 tiêu chuẩn với 111 tiêu chí



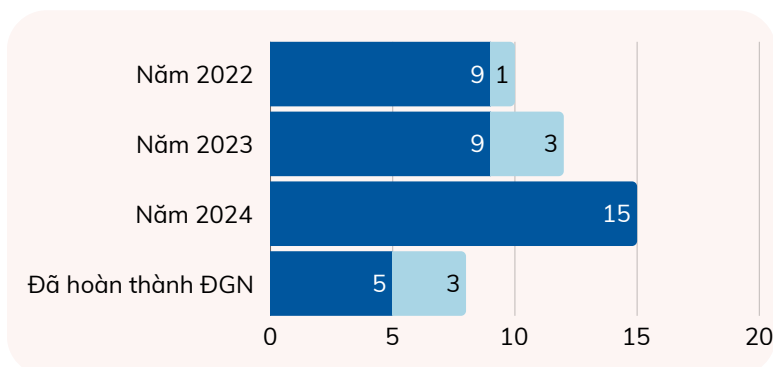
Số tiêu chí đạt mức 4/7 trở lên

108/111

Tỷ lệ khuyến nghị được khắc phục theo Báo cáo tự đánh giá giữa chu kỳ

84,7%

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



GẮN SAO

TT	Gắn sao CTĐT theo UPM	Kết quả	Thời gian hiệu lực
1	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Đạt 5 sao	2024
2	Dược học	Đạt 4 sao+	2024
3	Quản trị khách sạn	Đạt 4 sao	2024
4	Quản trị kinh doanh	Đạt 4 sao	2024

XẾP HẠNG - GẮN SAO

#333/984

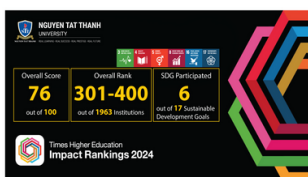
Đạt vị trí 291-300 ở châu Á, đứng thứ 60 ở khu vực Đông Nam Á và xếp thứ 5 tại Việt Nam. Đến năm 2024, NTTU tiếp tục giữ vững vị thế trong top 34% (#333/984) các trường đại học tốt nhất châu Á



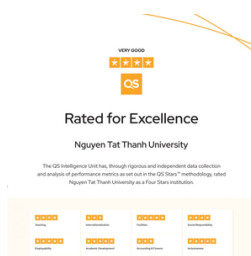
333
Nguyen Tat Thanh University (NTTU),
HCMC

#301-400

Lần đầu tiên tham gia, Trường xếp hạng #301-400, top 20% các trường đại học hàng đầu thế giới. Tại Việt Nam, Trường được xếp hạng 1/13 trường đại học của Việt Nam có mặt trong bảng xếp hạng



QStars

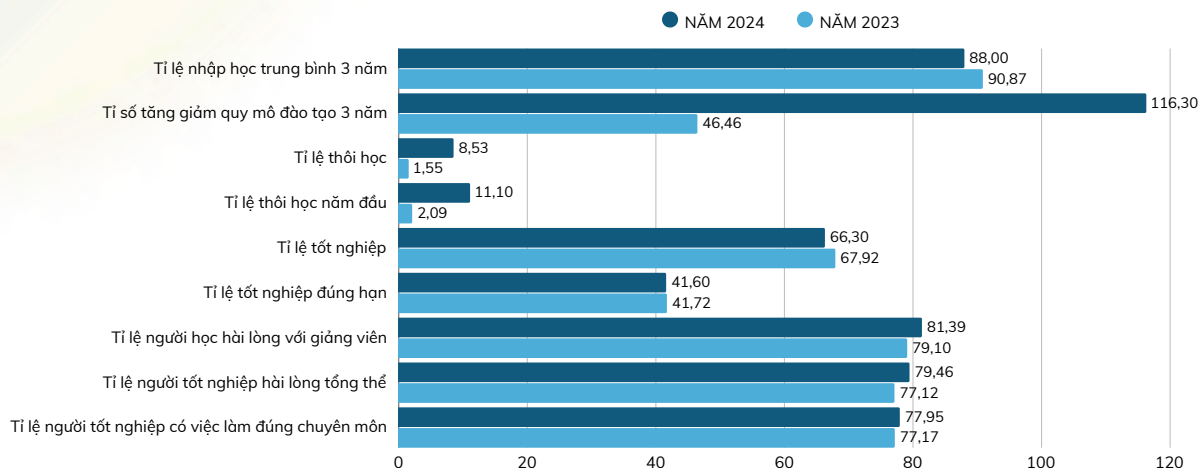


UPM



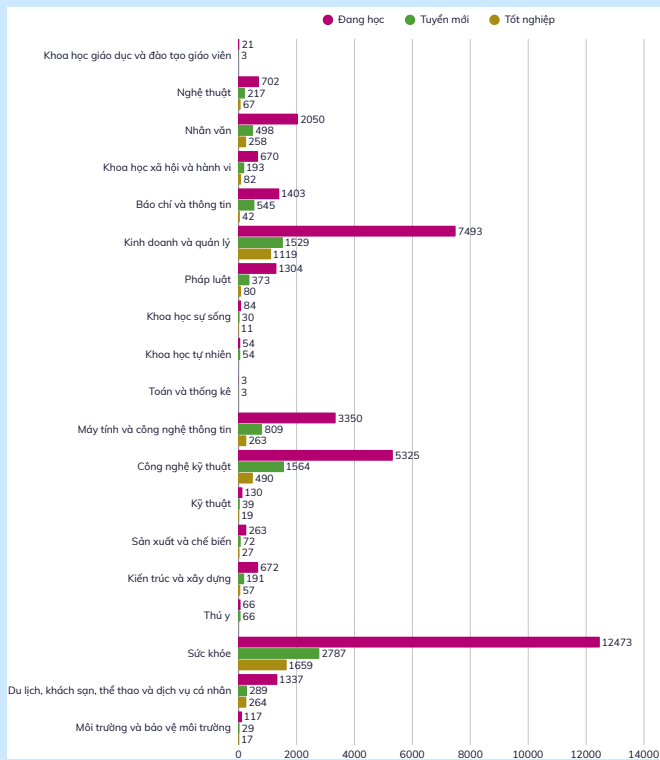
KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ VỀ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

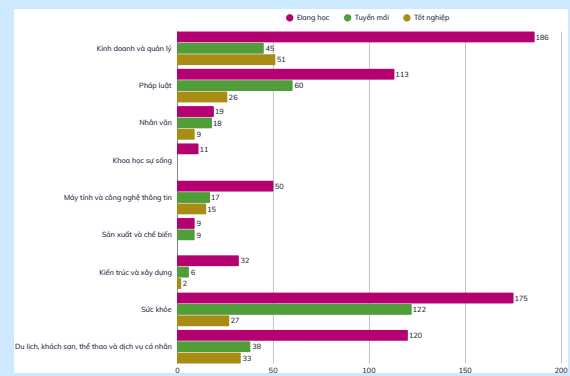


QUY MÔ ĐÀO TẠO, TUYỂN MỚI VÀ TỐT NGHIỆP NĂM 2024

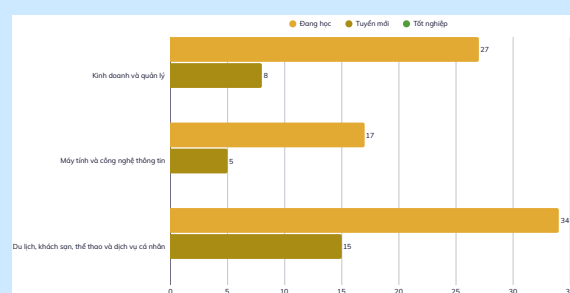
Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trình độ Đại học



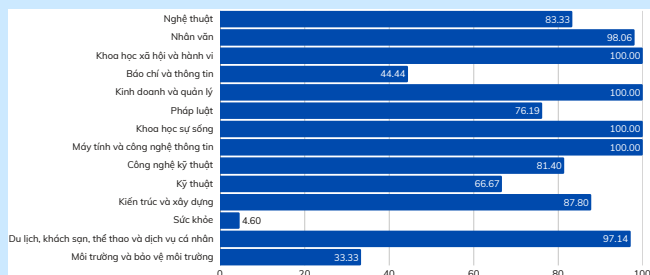
Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trình độ Thạc sĩ



Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trình độ Tiến sĩ



Tỷ lệ có việc làm trình độ Đại học



Tỷ lệ có việc làm trình độ Thạc sĩ



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Công trình công bố	Năm 2024	Năm 2023
Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	2,1%	2,5%
Số công bố khoa học/giảng viên	0,74	0,79
Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,43	0,49

CÁC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC THỰC HIỆN NĂM 2024

Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện
Đề tài cấp Nhà nước	15	8.185.141.396 VND
Đề tài cấp bộ, tỉnh	8	4.706.498.300 VND
Đề tài cấp cơ sở	222	7.890.600.000 VND
Đề tài hợp tác quốc tế	1	88.351.200 VND
Tổng số	237	20.870.590.896 VND

KẾT QUẢ CÔNG BỐ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	423	347
Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	615	606
Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	5	6
Tổng số bằng độc quyền sáng chế	1	3
Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	2

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CÁC KẾT QUẢ CHUYỂN GIAO TRI THỨC, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

- | | | |
|---|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng môi trường nghiên cứu chất lượng cao. Tăng cường đầu tư nhiều trang thiết bị, phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học các lĩnh vực mũi nhọn như: CNSH&NNCNC, CNTT&TT, CN vật liệu mới, năng lượng và môi trường, KTTT, công nghệ tự động hóa, Dược, Vật lý sinh, v.v | <ul style="list-style-type: none"> Tăng cường các mối quan hệ hợp tác với địa phương về hoạt động NCKH và CGCN. Đã và đang triển khai nhiều dự án, đề tài với các Sở KHCN Tỉnh, Trung tâm chuyển giao công nghệ Tỉnh (TP.HCM, Tiền Giang, Bến Tre, Ninh Thuận, Hậu Giang, Kiên Giang, Bình Phước, Vĩnh Long...). | <ul style="list-style-type: none"> Triển khai các hoạt động liên kết với các công ty, cơ sở sản xuất thực hiện các đề tài CGCN, xây dựng thương hiệu các sản phẩm NTTU và giao cho Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo Doanh nghiệp NTTU phụ trách các hoạt động ươm tạo doanh nghiệp. Năm 2024 trường đã có 25 quy trình công nghệ, giải pháp hữu ích mô hình thiết bị phục vụ dân sinh và cộng đồng được tiếp nhận và triển khai. |
|---|--|---|

THÀNH QUẢ HOẠT ĐỘNG NCKH, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KHỞI NGHIỆP

- Cuộc thi Sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp năm 2024: 01 Giải Nhất (Khoa Quản trị kinh doanh); 01 Giải Nhì; 01 Giải Ba; 04 Giải Khuyến khích;
- Giải Khuyến khích Hội thi tìm hiểu về hoạt động Đổi mới Sáng tạo, khởi nghiệp trong Hợp tác xã 2024;
- Giải quán quân, Giải á quân Cuộc thi Ý tưởng Khởi nghiệp Sinh viên Big Idea;
- 01 Huy chương vàng, 06 huy chương đồng Giải thưởng Thiết kế, chế tạo, ứng dụng lần thứ 12-2024
- 01 Giải Nhì Cuộc thi "Nhà đầu tư tương lai 2024";
- Á quân Cuộc thi đầu tư chứng khoán Rong Viet Invest;
- 01 Giải Nhì, 02 Giải Ba, 06 Giải Khuyến khích Cuộc thi Ý tưởng Khởi nghiệp Sinh viên - UNIV.STAR 2024;
- Giải Ba Chương trình Phát triển Dự án Khởi nghiệp Quốc gia;
- Giải Ba và giải Triển vọng Cuộc thi Khởi nghiệp toàn quốc Zone Bootcamp;
- Giải Nhất, Giải Ba Cuộc thi SheFuture – Ý tưởng Khởi nghiệp;
- Giải Nhì, Giải Ba, Giải Khuyến khích Cuộc thi Ý tưởng Khởi nghiệp trường Đại học Nha Trang.



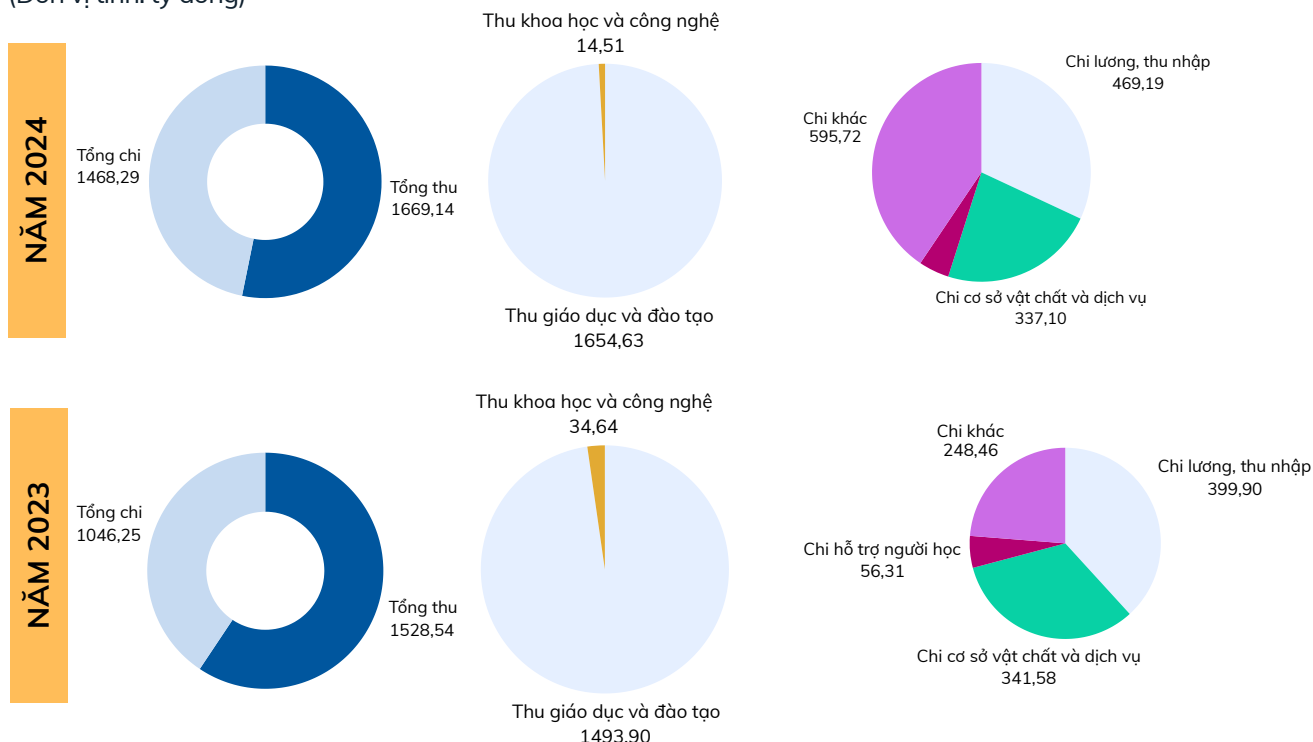
KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH

Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	21,34%	21,30%
Chỉ số tăng trưởng bền vững	14,72%	13,69%

KẾT QUẢ THU CHI HOẠT ĐỘNG

(Đơn vị tính: tỷ đồng)



CHÍNH SÁCH VỀ TRỢ CẤP VÀ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỌC BỔNG

Kết quả hỗ trợ chính sách	Năm 2024	Năm 2023
Số lượng SV có hoàn cảnh khó khăn, không về quê đón Tết	200 SV	201 SV
Số lượng SV thuộc đối tượng quy định theo chính sách giảm học phí	260 SV	181 SV
Số lượng SV thuộc đối tượng thụ hưởng học bổng toàn phần (nhập học thực tế) theo đề xuất của Quỹ học bổng Vừ A Dính	28 SV	16 SV
Số lượng SV thuộc đối tượng đạt học bổng Thủ khoa đầu vào toàn trường theo chính sách hiện hành	02 SV	01 SV
Số lượng SV thuộc đối tượng đạt học bổng Thủ khoa đầu vào cấp Khoa/ Viện theo chính sách hiện hành	22 SV	18 SV
Số lượng SV thuộc đối tượng đạt học bổng Thủ khoa tốt nghiệp theo Quy định	9 SV	14 SV
Số lượng SV đạt học bổng khuyến khích học tập theo Quy định	4.065 SV	4.360 SV



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
NGUYỄN TẤT THÀNH
THỰC HỌC - THỰC HÀNH - THỰC DANH - THỰC NGHIỆP

BÁO CÁO 2024 THƯỜNG NIÊN

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
Nguyen Tat Thanh University

Thực hiện bởi:
Phòng Đảm bảo chất lượng



300A – Nguyễn Tất Thành,
P.13, Q.4, Tp.HCM, Việt Nam



1900 2039



ntt.edu.vn



ntt@ntt.edu.vn